

Gia Lai, ngày 04 tháng 06 năm 2024

THÔNG TIN SỬ DỤNG THUỐC
HƯỚNG DẪN PHA TIÊM/ TRUYỀN VÀ BẢO QUẢN MỘT SỐ LOẠI KHÁNG SINH

*Căn cứ theo Hướng dẫn sử dụng kháng sinh (ban hành kèm theo Quyết định 708/QĐ-BYT ngày 02 tháng 03 năm 2015);
Thông tin thuốc trong Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022 và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.*

Khoa Dược đã xây dựng hướng dẫn pha tiêm/truyền và bảo quản các kháng sinh hiện đang sử dụng tại bệnh viện, để các khoa sử dụng làm căn cứ trong thực hành tiêm, truyền thuốc cho người bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả.

STT	Tên hoạt chất – nồng độ	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
			Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
1	Ampicillin bột pha tiêm 1g.	Hòa tan 1g thuốc với 2- 3 ml NCPT. [3]	Hòa tan 1g thuốc với 2- 3 ml NCPT. [3]	3-6 phút	Hòa 1g thuốc trong 100 ml NaCl 0,9% [3]	60 phút	Nên dùng NaCl 0.9% [2]	Bảo quản nơi khô, tránh ánh sáng trực tiếp, nhiệt độ dưới 30 °C. [3]
2	Amikacin ống dung dịch tiêm 500mg/ 2ml	*	*	2-3 phút	Pha loãng dung dịch chứa 500mg/ 100ml - 200ml dung môi tương hợp	30-60 phút	NaCl 0.9%, Ringer lactate	Bảo quản được ở 2-8 °C trong 24h [2]
3	Clindamycin ống tiêm 300mg/ 2ml, 600mg/ 4ml	* chỉ nên tiêm bắp ở liều ≤ 600mg	x	x	Liều < 900mg: pha loãng/ 50ml dung môi tương hợp * Liều ≥ 900mg: 100ml dung môi tương hợp	10-60 phút, tốc độ không quá 30mg/ phút	NaCl 0.9% [2]	Dùng ngay sau khi pha, bảo quản được ở 2- 8 °C trong 24h; Có thể truyền liên tục 0,75- 1,25mg/ phút [1]
4	Ciprofloxacin dung dịch tiêm 200mg/ 100ml	x	x	x	Pha loãng trong dung môi tương hợp đến 1mg- 2mg/ ml	≥ 60 phút	Glu 5%, NaCl 0.9%, [2]	Dùng ngay sau khi mở, nếu dùng không hết phải bỏ đi.

5	Ceftriaxone bột pha tiêm 1g	*Pha mỗi 250mg với 1ml lidocaine *Liều >1g nên được tiêm ở 2 vị trí khác nhau [2]	Hòa tan 1g trong 10ml NCPT [2]	2-4 phút [2]	Hòa tan: 1g trong 10ml NCPT Pha loãng: 50-100 ml dung môi tương hợp [2]	≥ 30 phút [2]	NaCl 0,9%, Glucose 5% [2]	Sử dụng ngay sau khi mở hoặc pha loãng, có thể bảo quản ở 2- 8 °C trong 24h [2]
6	Ceftazidime bột pha tiêm 500mg, 1g.	Hòa tan mỗi 250 mg/ ml NCPT hoặc lidocain 1% [3]	Pha thuốc trong NCPT hoặc NaCl 0,9% với nồng độ khoảng 100 mg/ml [3]	3-5 phút [3]	Hòa tan: 1g/ 10ml NCPT pha loãng: đến 10mg/ml	≥ 30 phút [1] 20-30 phút [2]	Glu 5%, NaCl 0.9%, Ringer lactate [2]	Khi hòa tan, sẽ tạo thành CO ₂ , cần chờ 1- 2 phút để loại hết CO ₂ trước khi sử dụng. Sử dụng ngay sau khi pha, có thể bảo quản ở 2- 8 °C trong 24h [2]
7	Cefotaxime bột pha tiêm 500mg, 1g, 2g	*Pha 500mg/ 2ml, 1g/ 4 ml, 2g/ 10ml NCPT *Liều trên 2g nên được tiêm ở 2 vị trí khác nhau [3]	10 ml NCPT	3-5 phút	Hòa tan: 4ml NCPT pha loãng: 50-100ml Glu 5% hoặc NaCl 0.9% [2]	20-60 phút [2]	Glu 5%, NaCl 0.9%, Ringer lactate [2]	Các dung dịch thuốc sau khi pha ổn định trong 12 giờ ở 5 °C $\pm$ 3 °C hoặc 4 giờ ở dưới 25 °C và bảo quản trong điều kiện vô trùng.
8	Gentamicin ống dung dịch tiêm 80mg/ 2ml	Liều $\geq$ 4ml nên tiêm ở các vị trí khác nhau [2]	*	3-5 phút [1]	Pha loãng: 50-200ml NaCl 0.9% hoặc Glu 5% [1]	0.5-2h [1]	Glu 5%, NaCl 0.9%, [1]	Dùng ngay sau khi pha, có thể bảo quản ở 2-8 °C trong 24h; dung dịch sau pha loãng ổn định trong 24h ở nhiệt độ phòng 25 °C [2]
9	Imipenem - cilastatin bột pha tiêm chứa	x	x	x	Hòa tan 500mg vào 100 ml NaCl 0,9%. Thêm 10ml dd tiêm truyền tương hợp	Liều $\leq$ 500 mg truyền trong 20 - 30 phút.	NaCl 0.9%, Glu 5%, [3]	Dùng ngay sau khi pha, có thể vẫn giữ được hoạt lực trong 3 giờ ở nhiệt độ dưới

	500mg mỗi hoạt chất				vào lọ thuốc. Lắc đều và chuyển dung dịch vừa hòa tan trong lọ thuốc. Thêm tiếp 10ml dd tiêm truyền vào lọ thuốc. Lắc đều đến khi thu được dd trong suốt. Nồng độ pha trên là khoảng 5 mg/ml. [3]	Liều > 500 truyền trong 40 - 60 phút [3]		25 °C và trong 24 giờ ở nhiệt độ 2 - 8 °C. [3]
10	Levofloxacin dịch truyền pha sẵn 250mg/ 50ml	x	x	x	* Dịch truyền pha sẵn * Pha loãng với dung môi thích hợp đến 5mg/ml [1]	≥ 60 phút cho liều 500mg; ≥90 phút cho liều 750mg [1]	NaCl 0.9%, Glu 5% [1]	Dùng ngay sau khi mở, nếu không dùng hết phải bỏ phần còn lại đi. Dung dịch sau pha loãng ở 5mg/ml ổn định trong vòng 72 giờ ở nhiệt độ ≤25 °C hoặc 14 ngày ở 5 °C [1]
11	Metronidazole dịch truyền pha sẵn 500mg/ 100ml	x	x	x	Không cần pha loãng	30-60 phút [1]	NaCl 0.9%, Glu 5% [1]	Bảo quản thuốc ở nhiệt độ phòng, dưới 30 °C, tránh ánh sáng. [1]
12	Meropenem bột pha tiêm 500 mg, 1g	x	Pha với NCPT đến nồng độ cuối cùng là 50 mg/ ml. [3]	5 phút [3]	Meropenem được hòa tan trong dung môi tương thích nồng độ cuối cùng là 1 – 20 mg/ml. [3]	15-30 phút [3]	NaCl 0.9%, Glu 5% [3]	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30 °C, tránh đông đá. [3]
13	Benzyl penicillin 1.000.000 IU (600 mg)	600mg/1.6 ml NCPT	mỗi 600 mg/ 5ml NCPT hoặc NaCl 0.9% [2]	5 phút [2]	Pha loãng dung dịch hoàn nguyên trong 100ml NaCl 0.9% [2]	30-60 phút [2]	NaCl 0.9%, Glu 5% [2]	Dung dịch sau pha ổn định ở nhiệt độ phòng (25 ± 2 độ C) trong 12 giờ hoặc 4

		* chỉ tiêm bắp cho liều dưới 1.2g [2]						ngày ở tủ lạnh (5 ± 2 độ C). [2]
14	Vancomycin bột pha tiêm 500mg.	x	x	x	Truyền gián đoạn: pha loãng dd hoàn nguyên 500mg/10ml NCPT , pha loãng: mỗi 500mg trong 100ml NaCl 0.9% hoặc Glu 5%. Truyền liên tục: dd sau hoàn nguyên 1- 2 g được pha bằng dd NaCl 0.9% hoặc Glu 5%. [1]	Truyền gián đoạn: ≥ 60 phút Truyền liên tục: 24h [1]	NaCl 0.9%, Glu 5% [1]	Dung dịch thuốc sau khi pha trong dung môi nước cất tiêm 10 ml: 24 giờ sau khi pha.
15	Moxifloxacin 400mg/250ml	x	x	x	Không cần pha loãng.	Truyền trên 60 phút	NaCl 0.9%	Bảo quản thuốc ở nhiệt độ phòng, dưới 30 °C, tránh ánh sáng. Sau khi mở nắp chai thuốc: thuốc ổn định trong 12 giờ ở nhiệt độ phòng 25 °C hoặc 10 ngày ở nhiệt độ 2 – 8 °C. [3]
16	Colistin 1.000.000 IU (12.500 IU = 1 mg)	Hòa tan bằng 5 ml NCPT [3]	Hòa tan bằng 2 ml NCPT. Pha loãng tiếp với Nacl 0,9% để thành 10 ml. [3]	5 phút [3]	Pha thuốc bằng 5 ml NCPT. Pha loãng tiếp với Nacl 0,9% để thành 50 ml. [3]	Truyền tĩnh mạch trong khoảng 1 giờ. [3]	NaCl 0.9%, Glu 5%, Ringer lactate [3]	Các dung dịch đã pha để tiêm, truyền nên dùng ngay hoặc trong vòng 24 giờ sau khi pha nếu bảo quản ở nhiệt độ 2 – 8 °C, tránh ánh sáng. [3]

17	Cefamandol 1g	Hòa tan trong 3 ml với NCPT hoặc Nacl 0,9 %. Tiêm bắp sâu [3]	Hòa tan trong 10 ml với NCPT hoặc Nacl 0,9 % [3]	3 – 5 phút [3]	Hòa tan trong 10 ml NCPT . Sau đó pha loãng với Nacl 0,9% đạt tới nồng độ 1g/ 110ml. [3]	Truyền tĩnh mạch liên tục hoặc tiêm truyền tĩnh mạch không liên tục. [3]	NaCl 0.9% [3]	Bảo quản không quá 30 °C, tránh ẩm và ánh sáng. [3]
----	------------------	--	---	----------------------	--	---	------------------	---

Chú thích:

X: đường dùng không khuyến cáo sử dụng

*: dùng trực tiếp

NCPT: Nước cất pha tiêm

Nguồn tham khảo hướng dẫn tiêm/ truyền một số loại kháng sinh:

[1] Dược thư quốc gia

[2] Injectable drugs guide

[3] Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoa Dược
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo bệnh viện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Cao Trí

Nguyễn Mạnh Cường

Từ Thị Mai Linh